



Số/No: 25.09.10376	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	22/09/2025 Trang/Page: 1/3
--------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : CÔNG TY CP THỦY SẢN VÀ XNK CÔN ĐẢO

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : CÔNG TY CP THỦY SẢN VÀ XNK CÔN ĐẢO

Địa chỉ/ *Address* : Phường Phước Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 13/09/2025

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 15/09/2025 – 22/09/2025

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* : Xem trang tiếp theo

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

P. Giám đốc
Vice Director



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.



Số/No: 25.09.10376	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	22/09/2025 Trang/Page:2/3
--------------------	---	------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Khí thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: KT.091301 – Lò hơi (X=1155 961; Y=655 719)

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B ^(w) (K _p =0,8; K _v =1,0)
1	Lưu lượng	Nm ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2 ^(*)	1.215	-
		m ³ /h			2.086	
2	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5 ^(*)	18	160
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03 ^(*)	135	680
4	SO ₂	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03 ^(*)	0	400
5	CO	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03 ^(*)	203	800

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(w): Quy chuẩn so sánh do khách hàng yêu cầu, thông tin do khách hàng cung cấp.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

4 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. HCM
☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 <http://duonghuynhenv.vn>



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.09.10376	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	22/09/2025 Trang/Page: 3/3
--------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Nước thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: NT.091302 – Đầu ra (X=1156 025; Y=655 841)
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method	: TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-1:2011, TCVN 8880:2011

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 11-MT:2015/ BTNMT; CỘT A ^(w) (K _q =0,9; K _r =1,0)
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	8,42	6 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	23	45
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	20	27
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023 ^(*)	51	67,5
5	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	3,73	9
6	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	4,96	9
7	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000 ^(*)	19,8	27
8	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023 ^(*)	0,2	0,9
9	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023 ^(*)	KPH (MDL=1,0)	9
10	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023 ^(*)	1.100	3.000

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(w): Quy chuẩn so sánh do khách hàng yêu cầu, thông tin do khách hàng cung cấp.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp.HCM

CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. HCM

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 <http://duonghuynhenv.vn>